TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUẦN GIÁO** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2019/HS-ST
Ngày: 22/10/2019.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Việt Hương.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Hữu và ông Giàng A Dơ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thào A Thu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tham gia phiên tòa: Ông Phạm Minh Hưng, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 91/2019/TLST-HS ngày 17 tháng 9 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2019/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Quang B**; tên gọi khác: Không.
Sinh ngày 06/9/1961, tại: Thành phố A, tỉnh Sơn La.
Nơi cư trú: Khối T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn C, sinh năm 1933 và con bà Phạm Thị N, sinh năm 1933; bị cáo có vợ là Ngô Thị L, sinh năm 1966 và có 02 người con, con lớn nhất sinh năm 1986, con nhỏ nhất sinh năm 1992; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bị cáo bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính một lần và bị xét xử một lần; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/6/2019, ngày 21/6/2019 bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (bị cáo bị tạm giữ 03 ngày). Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Lê Thị T**, sinh năm 1986; nơi cư trú: Khối H, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt).

* Người nghĩa vụ liên quan: Ông **Cà Văn T**, sinh năm 1972, trú tại bản P, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ, ngày 18/6/2019, bị cáo Lê Quang B mượn chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA, loại xe NOUVO, biển kiểm soát 35N5- 0000, của con gái tên là Lê Thị T; sinh năm 1986; trú tại: khối H, thị trấn T, huyện T. Bị cáo một mình điều khiển xe máy từ khối T, thị trấn T để đi xuống bản P, xã Q, huyện T, để mua ma túy về sử dụng. Bị cáo vào nhà Cà Văn T, sinh năm 1972, trú tại bản P, xã Q, huyện T, thấy T đang ở trong nhà một mình. Bị cáo hỏi T "Có viên hồng bán không, có thì bán cho anh hai viên", T trả lời: " Có ", sau đó đi vào trong phòng bếp của nhà T một lúc sau đó quay ra chỗ bị cáo Biên đang đứng. Bị cáo lấy 100.000đ (*một trăm nghìn đồng*) đưa cho T, nhận tiền xong T đưa cho bị cáo 01 gói nilon màu hồng bên trong có chứa 02 viên ma túy loại Methamphetamine. Việc trao đổi, mua bán ma túy chỉ có T và bị cáo biết với nhau ngoài ra không có ai biết hoặc tham gia cùng. Mua được ma túy bị cáo điều khiển xe máy để đi về nhà, khi đến đoạn đường thuộc khối S, Thị trấn T, huyện T, bị Tổ công tác Công an thị trấn T, huyện T bắt quả tang thu giữ của bị cáo Lê Quang B: 01 gói nilon màu hồng, bên trong có chứa 02 viên ma túy loại Methamphetamine. Khối lượng 02 viên Methamphetamine, có khối lượng là 0,19 gam.

Tại bản các Kết luận giám định số: 714/GĐ-PC09 ngày 02/7/2019 của phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Điện Biên kết luận: "*Mẫu viên nén màu hồng trích ra từ vật chứng thu giữ của bị cáo Lê Quang B gửi giám định là ma tuý: Loại Methamphetamine. Khối lượng vật chứng thu giữ của bị cáo Lê Quang B là* 0,19 *gam*".

Tại bản Cáo trạng số: 89/CT-VKS-TG ngày 17 tháng 9 năm 2019, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo đã truy tố bị cáo Lê Quang B về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại Cơ quan Điều tra và phiên tòa hôm nay bị cáo Lê Quang B thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố.

Thực hành quyền công tố tại phiên tòa: Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo Lê Quang B. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điểm c Khoản 1 Điều 249; Điểm s Khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Lê Quang B từ 12 tháng đến 15 tháng tù. Không phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại Khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Đề nghị tuyên tịch thu tiêu hủy 01 gói niêm phong màu trắng các mép đều được dán kín bên trong có chứa: 0,1 gam Methamphetamine đựng trong một túi nilon gắn kín lại, 01 mảnh nilon màu hồng, 01 vỏ phong bì dùng để niêm phong vật chứng. Đối với 01 xe máy nhãn hiệu Yamaha, loại Nouvo, màu sơn đen, BKS 35N5-5811 đã qua sử dụng Công an đã tạm giữ vào ngày 18/6/2019; bị cáo mượn xe máy của bà Lê Thị T (là con gái của bị cáo) để đi chợ, nhưng sau đó bị cáo đã sử dụng xe máy vào việc phạm tội; bà T không biết và bị cáo cũng không nói cho bà T biết mục đích sử dụng xe máy của bị cáo; nên xe máy trên không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, đề nghị trả lại xe máy trên cho bà T. Đối với số tiền 760.000đ (*bảy trăm sáu mươi nghìn đồng*) nguồn gốc số tiền này do bị cáo đi làm thuê mà có, không liên quan đến hành vi phạm tội, đề nghị trả lại cho bị cáo. Áp dụng Khoản 2

Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Tại đơn đề nghị bà Lê Thị T trình bày: Vào ngày 18/6/2019, bị cáo Lê Quang B là bố đẻ của bà T mượn xe máy nhãn hiệu Yamaha-Nouvo, màu sơn đen, BKS 35N5-0000 của bà T sử dụng đi chợ, nhưng sau đó bị cáo đã sử dụng xe máy đi mua ma túy và bị Công an thị trấn Tuần Giáo tạm giữ. Bà T không biết bị cáo đã sử dụng xe máy vào việc phạm tội và bị cáo cũng không nói cho bà T biết. Bà Lê Thị T đề nghị Hội đồng xét xử trả lại xe máy trên cho bà.

Bị cáo hoàn toàn nhất trí với bản Cáo trạng và không có ý kiến tranh luận đối với bản luận tội của Kiểm sát viên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Ngoài xin giảm nhẹ hình phạt bị cáo không có ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi của bị cáo: Khoảng 16 giờ, ngày 18/6/2019, bị cáo Lê Quang B mượn chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA, loại xe NOUVO, biển kiểm soát 35N5-0000, của con gái tên là Lê Thị T đi đến nhà Cà Văn T mua 02 viên ma túy loại Methamphetamine với số tiền là 100.000đ (*một trăm nghìn đồng*) mục đích để sử dụng. Bị cáo đang trên đường quay về nhà bị Công an thị trấn Tuần Giáo bắt người phạm tội quả tang thu giữ của bị cáo số ma túy trên. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hành vi của bị cáo Lê Quang B đủ yếu tố cấu thành tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" theo Điều 249 Bộ luật Hình sự. Bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về khối lượng Methamphetamine 0,19 gam. Vì vậy, Cáo trạng truy tố bị cáo là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo là người có đủ năng lực để chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của bị cáo. Hội đồng xét xử kết luận: Bị cáo Lê Quang B phạm tội: "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

[**2] Về tính chất và mức độ của vụ án**: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy. Hành vi của bị cáo trực tiếp, tiếp tay cho những người chuyên mua bán trái phép các chất ma túy tồn tại và phát triển; là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm .... làm ảnh hưởng đến trật tự trị an, an toàn xã hội trên địa bàn huyện Tuần Giáo nói riêng và tỉnh Điện Biên nói chung. Tội phạm mà bị cáo thực hiện là tội phạm nghiêm trọng. Vì vậy hành vi của bị cáo cần phải xử lý nghiêm minh trước pháp luật, mới có tác dụng phòng ngừa và kiên quyết đấu tranh chống tội phạm.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân: Tại giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo; bị cáo có bố được Nhà nước tặng thưởng Huân, Huy chương kháng chiến hạng Nhất, mẹ đẻ được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba; nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm s Khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo từ nhỏ sống phụ thuộc vào gia đình, học hết lớp 9/10, sau đó nghỉ học ở nhà. Năm 1979 nhập ngũ đến năm 1984 xuất ngũ về địa phương sinh sống. năm 1985 kết hôn. Bị cáo đã bị tỉnh lai Châu cũ (nay là tỉnh Điện Biên) xét xử tại Bản án số: 34/1994/HSST ngày 11/7/1994 về tội "*Chứa chấp tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*". Năm 2001 nghiện chất ma túy, năm 2008 bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, năm 2010 trở về địa phương sinh sống. Bị cáo đã cải tạo tại trại giam, lẽ ra bị cáo phải lấy đó làm bài học sống tốt hơn, để không tiếp tục phạm tội. Cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo thông qua hình phạt để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành người lương thiện, có ý thức tuân thủ pháp luật đồng thời giúp bị cáo cai nghiện chất ma túy.

[4] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản theo quy định tại Khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Xét thấy điều kiện kinh tế gia đình bị cáo khó khăn, bản thân nghiện chất ma túy; không có thu nhập ổn định, nên không có khả năng thi hành. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[**5] Kiểm sát viên đề nghị xử phạt đối với bị cáo**: Xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên về mức hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy là phù hợp với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo, nên cần chấp nhận.

[6] Các vấn đề khác:

Đối với Cà Văn T bị cáo khai T là người đã bán 02 viên ma túy loại Methamphetamine cho bị cáo vào ngày 18/6/2019. Trong qua trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra khám xét khẩn cấp đối với Cà Văn T, không thu giữ được gì. Đồng thời cho bị cáo đối chất với Cà Văn T để làm rõ về hành vi mua bán trái phép chất ma túy, nhưng T không thừa nhận đã được trao đổi, mua bán ma túy với bị cáo. Ngoài lời khai của bị cáo ra không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Tuần Giáo không có đủ căn cứ để xử lý đối với Cà Văn T, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 01 xe máy nhãn hiệu Yamaha, loại Nouvo, màu sơn đen, BKS 35N5-0000 đã qua sử dụng Công an đã tạm giữ vào ngày 18/6/2019. Bị cáo mượn xe máy trên của bà Lê Thị T (là con gái của bị cáo) để đi chợ, nhưng sau đó bị cáo đã sử dụng xe máy vào việc phạm tội. Bà T không biết và bị cáo cũng không nói cho chị T biết mục đích sử dụng xe máy của bị cáo; nên xe máy trên không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, cần trả lại xe máy trên cho bà T. Đối với số tiền 760.000đ (*bảy trăm sáu mươi nghìn đồng*) nguồn gốc số tiền này do bị cáo đi làm thuê mà có, không

liên quan đến hành vi phạm tội, cần trả lại cho bị cáo theo quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[8] Vật chứng vụ án: Đối với 01 gói niêm phong màu trắng các mép đều được dán kín bên trong có chứa: 0,1 gam Methamphetamine đựng trong một túi nilon gắn kín lại, 01 mảnh nilon màu hồng, 01 vỏ phong bì dùng để niêm phong vật chứng cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[9] Về hành vi và các Quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện Tuần Giáo; Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan đã thực hiện đều hợp pháp và được chấp nhận.

[10] Án phí: Theo quy định tại Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án về phần liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điểm c Khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố:

1. Về tội danh: Bị cáo Lê Quang B phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

2. Về hình phạt: Áp dụng Điểm c Khoản 1 Điều 249, Điểm s Khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Quang B 12 (*mười hai*) tháng tù, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ 03 (*ba*) ngày. Bị cáo còn phải chấp hành tiếp là 11 (*mười một*) tháng 27 (*hai mươi bảy*) ngày, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án phạt tù.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điểm c Khoản 1, 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điểm a Khoản 2, 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 gói niêm phong màu trắng các mép đều được dán kín bên trong có chứa: 0,1 gam Methamphetamine đựng trong một túi nilon gắn kín lại, 01 mảnh nilon màu hồng, 01 vỏ phong bì dùng để niêm phong vật chứng. Trả lại cho bị cáo Lê Quang B tiền số tiền 760.000đ (*bảy trăm sáu mươi nghìn đồng*). Trả lại cho bà Lê Thị T01 xe máy nhãn hiệu Yamaha, loại Nouvo, màu sơn đen, BKS 35N5-0000, số khung Y102280, số máy 2B52-102280, dung tích xi lanh 113 theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 24/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuần Giáo.

4. Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải nộp 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 22/10/2019). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị T có quyền kháng cáo bản án về phần liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại UDND nơi cư trú.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Tuần Giáo;
- Công an huyện Tuần Giáo;
- Chi cục THADS huyện Tuần Giáo;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Bị cáo;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Việt Hương